

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Công Minh.
- Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 600/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Ngọc G** – sinh năm 1990;

Địa chỉ: **Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Công M** – sinh năm 1989;

Địa chỉ: **Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T**;

Địa chỉ: **Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

(Chị **G**, anh **M** có mặt tại phiên tòa;

Ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc G trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh M cưới nhau vào năm 2016, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị sống chung với nhà cha mẹ chồng được 01 năm thì cất nhà ra ở riêng trên phần đất của cha chồng là ông T đứng tên quyền sử dụng đất, nhà tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình anh chị chung sống đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc, gây nợ và mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ nhau và khi cãi nhau anh M đã đánh chị. Mặc dù chị và anh M hiện nay vẫn sống chung nhà nhưng do chị đi làm công ty nên chị không thường xuyên sinh sống ở nhà và chị với anh M không hề quan tâm, chăm sóc, nói chuyện với nhau.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1 – sinh ngày 24/4/2017. Hiện nay cháu T1 đang do chị và cha mẹ chị nuôi dưỡng, cháu T1 đang sống ở nhà cha mẹ của chị để tiện cho việc cháu đi học. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng anh M không đồng ý nên chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh M có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên phần đất do ông T đứng tên. Theo đơn khởi kiện ban đầu thì chị yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà nêu trên, nhưng nay chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung giữa chị với anh M, chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và chị sẽ khởi kiện tranh chấp bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Công M trình bày:*

Vợ anh có làm đơn xin ly hôn với anh, chia tài sản chung và giành quyền nuôi con với yêu cầu là: đòi chia căn nhà trị giá 250.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con 2 triệu đồng mỗi tháng. Anh không đồng ý về việc chia căn nhà 250.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng 2 triệu đồng vì vợ anh không chung thủy với anh và anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ anh.

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị **G** vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh **M**. Về con chung, chị **G** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh **M** cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, chị **G** rút lại yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh **M**. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh **M** trình bày: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **G**. Về con chung anh đồng ý để chị **G** tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **G** đối với anh **M**. Về con chung, chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị **G** và buộc anh **M** cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, chị **G** đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh **M**, đồng thời chị **G** và anh **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung giữa anh chị khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị **G**. Về nợ chung, chị **G** và anh **M** trình bày anh chị không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **G** yêu cầu được ly hôn với anh **M** và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh **M** khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Ông **T** vắng mặt không tham gia hòa giải và không tham dự phiên tòa mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông **T**.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **G** đối với anh **M**, Hội đồng xét xử xét thấy chị **G** và anh **M** tự nguyện cưới nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị **G** và anh **M**

là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2018, thì chị **G** và anh **M** bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nay chị **G** yêu cầu được ly hôn với anh **M**, tại phiên tòa anh **M** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **G**. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **G** và anh **M** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **G** đối với anh **M**.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị **G** và anh **M** có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Bảo T1** – sinh ngày 24/4/2017. Khi ly hôn, chị **G** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh **M** đồng ý để chị **G** nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu **T1** đang do chị **G** nuôi dưỡng, để đảm bảo điều kiện cho cháu **T1** phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển và học tập của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị **G**.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị **G** yêu cầu anh **M** cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, bị đơn anh **M** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[6] Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị **G** và anh **M** có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên phần đất do ông **T** đứng tên. Tại phiên tòa, chị **G** rút lại yêu cầu chia tài sản chung và chị với anh **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của anh chị khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị **G** đối với anh **M**.

[7] Về nợ chung: Chị **G** và anh **M** trình bày anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: Chị **G** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh **M** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Mai Thị Ngọc G** đối với anh **Nguyễn Công M**.

Chị **Mai Thị Ngọc G** được ly hôn với anh **Nguyễn Công M**.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị **G**. Giao con chung tên **Nguyễn Ngọc Bảo T1** – sinh ngày 24/4/2017 cho chị **G** tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu **T1** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị **G** có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh **M** không thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung thì anh **M** còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh **M** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị **G**.

4/ Về án phí: Chị **G** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0006623 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. **H** lại chị **G** số tiền 3.200.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0006624 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Anh **M** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị **G**, anh **M** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **T** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh